

NGÂN HÀNG ĐỀ TÀI HỌC PHẦN
ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
MÃ MÔN HỌC: LLCT 230214

1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là con đường tất yếu để đưa nước ta từ nước nông nghiệp lạc hậu trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản:

- Khái niệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- Làm rõ bản chất của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đối với việc xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của một xã hội.
- Chỉ ra tính tất yếu ở cả phương diện lý luận và phương diện thực tiễn của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đối với công cuộc xây dựng đất nước ở nước ta hiện nay.

b. Kiến thức vận dụng:

- Làm rõ những thành tựu cũng như hạn chế của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam.
- Làm rõ vai trò và trách nhiệm của sinh viên đối với đất nước để hoàn thành mục tiêu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

2. Công nghiệp hóa phải gắn với hiện đại hóa; công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải gắn với phát triển kinh tế tri thức.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản:

- Làm rõ khái niệm công nghiệp hóa.
- Làm rõ khái niệm hiện đại hóa.

- Làm rõ khái niệm kinh tế tri thức, những đặc trưng của kinh tế tri thức và quá trình phát triển của kinh tế tri thức.

- Lý giải tại sao công nghiệp hóa phải gắn với hiện đại hóa; công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải gắn với phát triển kinh tế tri thức.

b. Kiến thức vận dụng:

- Làm rõ thực trạng của việc kết hợp công nghiệp hóa gắn với hiện đại hóa; công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức.

- Làm rõ thực trạng và vai trò của kinh tế tri thức đối với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay.

- Là trí thức thì các anh/ chị cần phải làm gì để góp phần kết hợp công nghiệp hóa với hiện đại hóa; công nghiệp hóa, hiện đại hóa với phát triển kinh tế tri thức.

3. Khoa học và công nghệ là nền tảng, là động lực của quá trình công nghiệp, hiện đại hóa.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản:

- Làm rõ khái niệm công nghiệp hóa.

- Làm rõ khái niệm hiện đại hóa.

- Làm rõ vai trò khoa học và công nghệ đối với việc trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật của một quốc gia.

- Lý giải tại sao khoa học và công nghệ là nền tảng, là động lực của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

b. Kiến thức vận dụng:

- Làm rõ thực trạng của khoa học và công nghệ ở Việt Nam hiện nay.

- Làm rõ vai trò là nền tảng và động lực của khoa học và công nghệ đối với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay để nhằm thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất và trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật ở Việt Nam.

- Là trí thức thì anh/ chị cần phải làm gì để góp phần thực hiện mục tiêu khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu của Đảng.

4. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải gắn với phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản:

- Làm rõ khái niệm công nghiệp hóa.
- Làm rõ khái niệm hiện đại hóa.
- Làm rõ khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Làm rõ xu thế hội nhập kinh tế quốc tế góp phần tạo ra những thuận lợi và thách thức gì đối với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- Lý giải tại sao công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải gắn với phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế.

b. Kiến thức vận dụng:

- Làm rõ thực trạng của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam hiện nay.
- Những thành tựu cũng như hạn chế trong việc kết hợp công nghiệp hóa, hiện đại hóa với phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế.

5. Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải lấy việc phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản:

- Khái niệm nguồn lực con người.
- Những nhân tố ảnh hưởng đến nguồn lực con người.

- Lý giải tại sao nguồn lực con người lại là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

b. Kiến thức vận dụng:

- Làm rõ thực trạng nguồn lực con người ở Việt Nam.
- Làm rõ chất lượng nguồn lực con người của Việt Nam đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam hiện nay.

- Làm rõ những điểm mạnh và những mặt hạn chế của nguồn lực con người ở Việt Nam hiện nay.

- Là trí thức thì anh/ chị cần phải làm gì để góp phần phát triển và nâng cao chất lượng nguồn lực con người của Việt Nam hiện nay.

6. Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản:

- Làm rõ khái niệm phát triển bền vững trong lĩnh vực kinh tế và xã hội.
- Làm rõ cơ sở lý luận của vấn đề tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học.
- Lý giải tại sao Việt Nam cần phải phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững.
- Lý giải tại sao tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học

b. Kiến thức vận dụng:

- Làm rõ thực trạng của vấn đề phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững ở Việt Nam hiện nay.

- Làm rõ thực trạng của vấn đề tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam hiện nay.

- Làm rõ những thành tựu và hạn chế của Việt Nam trong quá trình thực hiện phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học.

- Theo anh/ chị Việt Nam cần phải làm gì để thực hiện được mục tiêu phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học.

7. Nội dung và định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản:

- Làm rõ khái niệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- Làm rõ khái niệm kinh tế tri thức.
- Làm rõ nội dung và định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức của Đảng Cộng sản Việt Nam.

b. Kiến thức vận dụng:

- Làm rõ thực trạng của kinh tế tri thức ở Việt Nam hiện nay.
- Làm rõ thực trạng của việc thực hiện những nội dung và định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam hiện nay.
- Những thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện nội dung và định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam hiện nay.
- Là trí thức tương lai anh chị cần phải làm gì để góp phần thực hiện những nội dung và định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức của Đảng Cộng sản Việt Nam.

8. Những hạn chế của cơ chế quản lý kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản:

- Làm rõ sự hình thành của cơ chế quản lý kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp.

- Làm rõ những đặc điểm của cơ chế quản lý kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp.

- Làm rõ những hình thức chủ yếu của chế độ bao cấp trong cơ chế quản lý kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp.

b. Kiến thức vận dụng:

- Làm rõ những thành tựu và hạn chế của cơ chế quản lý kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp.

- Rút ra bài học kinh nghiệm và đề xuất giải pháp để quản lý hiệu quả nền kinh tế Việt Nam hiện nay.

9. Kinh tế thị trường không phải là cái riêng có của chủ nghĩa tư bản mà là thành tựu phát triển chung của nhân loại.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản:

- Khái niệm kinh tế thị trường.

- Trình bày lịch sử kinh tế thị trường để làm rõ kinh tế thị trường có mầm mống từ trong xã hội chiếm hữu nô lệ, hình thành trong xã hội phong kiến và phát triển cao trong xã hội tư bản chủ nghĩa.

- Phân tích kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa để làm rõ cách thức sử dụng kinh tế thị trường theo lợi nhuận tối đa của chủ nghĩa tư bản mới là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản chứ không phải kinh tế thị trường nói chung.

b. Kiến thức vận dụng:

- Rút ra nhận thức về sự tồn tại của kinh tế thị trường trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Vận dụng những thành tựu thời kỳ phát triển đỉnh cao của kinh tế thị trường vào việc xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

10. Kinh tế thị trường tồn tại khách quan trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản:

- Khái niệm kinh tế thị trường.
- Khái quát thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.
- Làm rõ kinh tế thị trường chỉ đối lập với kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc, không đối lập với các chế độ xã hội; không phải là đặc trưng bản chất cho chế độ kinh tế cơ bản của xã hội; tồn tại và phát triển ở nhiều phương thức sản xuất khác nhau.

- Làm rõ kinh tế thị trường vừa có thể liên hệ với chế độ tư hữu, vừa có thể liên hệ với chế độ công hữu và phục vụ cho chúng.

- Làm rõ kinh tế thị trường là hình thức tổ chức nền kinh tế có hiệu quả nhất. Vì vậy trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, kinh tế thị trường không những tồn tại khách quan mà còn cần thiết sử dụng để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

b. Kiến thức vận dụng:

- Vận dụng vào việc xây dựng, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

11. Mục đích phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản:

- Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Trình bày mục tiêu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

- Làm rõ mục đích phát triển kinh tế vì con người, giải phóng lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế để nâng cao đời sống cho con người, mọi người đều được hưởng những thành quả phát triển.

- Phân biệt với mục đích tất cả vì lợi nhuận phục vụ lợi ích của các nhà tư bản, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa tư bản của kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa.

b. Kiến thức vận dụng:

- Chỉ rõ những thành tựu và hạn chế trong quá trình thực hiện những mục đích của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam từ khi bắt đầu đổi mới đến nay.

- Đề ra giải pháp nhằm thực hiện tốt hơn nữa những mục đích của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong thời gian tới.

12. So sánh kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản:

- Khái niệm kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa.
- Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Làm rõ những đặc điểm cơ bản của kinh tế thị trường.
- Làm rõ sự khác nhau giữa kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa về chế độ sở hữu; tính giai cấp của nhà nước và mục đích quản lý của nhà nước; cơ chế vận hành; mối quan hệ giữa tăng trưởng, phát triển kinh tế với công bằng xã hội; phân phối thu nhập.

b. Kiến thức vận dụng:

- Làm rõ thực trạng xây dựng và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam từ khi bắt đầu đổi mới đến nay.

- Đề xuất giải pháp tiếp tục phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong thời gian tới.

13. Vai trò, vị trí của thành phần kinh tế nhà nước trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ở Việt Nam.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản:

- Khái niệm thành phần kinh tế nhà nước.
- Khái quát cơ cấu kinh tế nhiều thành phần ở Việt Nam.
- Làm rõ vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế nhà nước.
- Làm rõ vị trí then chốt của thành phần kinh tế nhà nước.

b. Kiến thức vận dụng:

- Làm rõ những thành tựu và hạn chế trong quá trình phát triển thành phần kinh tế nhà nước ở Việt Nam từ khi bắt đầu đổi mới đến nay.

- Đề xuất giải pháp phát huy vai trò, vị trí của thành phần kinh tế nhà nước ở Việt Nam trong thời gian tới.

14. Nội dung của thể chế kinh tế thị trường.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản:

- Khái niệm thể chế kinh tế.
- Khái niệm thể chế kinh tế thị trường.
- Phân tích ba nội dung của thể chế kinh tế thị trường.

b. Kiến thức vận dụng:

- Đánh giá về quá trình xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường ở Việt Nam từ khi bắt đầu đổi mới đến nay.

- Đề xuất giải pháp tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong thời gian tới.

15. Quan điểm cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản:

- Khái niệm thể chế kinh tế.
- Khái niệm thể chế kinh tế.
- Khái niệm thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Phân tích năm quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

b. Kiến thức vận dụng:

- Làm rõ những thành tựu và hạn chế của quá trình từng bước hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam từ khi bắt đầu đổi mới đến nay.

- Đề xuất giải pháp tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong thời gian tới.

16. Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản:

- Làm rõ yêu cầu của đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị.
- Mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị.
- Làm rõ nội dung đổi mới hệ thống chính trị phải lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.

b. Kiến thức vận dụng:

- Làm rõ thực trạng của việc thực hiện quan điểm kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị ở nước ta hiện nay.

- Những thành tựu và hạn chế trong việc đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay.

- Là trí thức tương lai anh/chị cần phải làm gì để góp phần thực hiện đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay.

17. Đổi mới hệ thống chính trị là nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản:

- Làm rõ yêu cầu của đổi mới hệ thống chính trị.
- Mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân trong hệ thống chính trị.
- Làm rõ nội dung đổi mới hệ thống chính trị là nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

b. Kiến thức vận dụng:

- Làm rõ thực trạng của việc thực hiện quan điểm đổi mới hệ thống chính trị là nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở nước ta hiện nay.

- Những thành tựu và hạn chế trong việc đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay.

- Là trí thức tương lai anh/chị cần phải làm gì để góp phần thực hiện đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay.

18. Đổi mới hệ thống chính trị một cách toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản:

- Làm rõ yêu cầu của đổi mới hệ thống chính trị.
- Tại sao phải đổi mới một cách toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.
- Làm rõ nội dung đổi mới hệ thống chính trị một cách toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

b. Kiến thức vận dụng:

- Làm rõ thực trạng của việc thực hiện quan điểm đổi mới hệ thống chính trị một cách toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp ở nước ta hiện nay.
- Những thành tựu và hạn chế trong việc đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay.
- Là trí thức tương lai anh/chị cần phải làm gì để góp phần thực hiện đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay.

19. Đổi mới quan hệ giữa các bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị với nhau và với xã hội, tạo ra sự vận động cùng chiều của cả hệ thống chính trị để thúc đẩy xã hội phát triển.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản:

- Làm rõ yêu cầu của đổi mới hệ thống chính trị.
- Làm rõ mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị với nhau và với xã hội.
- Làm rõ nội dung đổi mới hệ thống chính trị là đổi mới quan hệ giữa các bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị với nhau và với xã hội, tạo ra sự vận động cùng chiều của cả hệ thống chính trị để thúc đẩy xã hội phát triển.

b. Kiến thức vận dụng:

- Làm rõ thực trạng của việc thực hiện quan điểm đổi mới hệ thống chính trị là đổi mới quan hệ giữa các bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị với nhau và với xã hội, tạo ra sự vận động cùng chiều của cả hệ thống chính trị để thúc đẩy xã hội phát triển ở nước ta hiện nay.

- Những thành tựu và hạn chế trong việc đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay.

- Là trí thức tương lai anh/chị cần phải làm gì để góp phần thực hiện đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay.

20. Vị trí, vai trò và chức năng của các bộ phận cấu thành hệ thống chính trị Việt Nam.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản:

- Khái niệm hệ thống chính trị.
- Vai trò của hệ thống chính trị.
- Các bộ phận cấu thành hệ thống chính trị Việt Nam.
- Vị trí, vai trò và chức năng của các bộ phận cấu thành hệ thống chính trị Việt Nam.

b. Kiến thức vận dụng:

- Làm rõ thực trạng của việc thực hiện vị trí, vai trò và chức năng của các bộ phận cấu thành hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay.
- Những thành tựu và hạn chế của các bộ phận cấu thành hệ thống chính trị trong việc thực hiện quyền lực nhà nước ở nước ta hiện nay.
- Là trí thức tương lai anh/chị cần phải làm gì để góp phần nâng cao hiệu lực của các bộ phận cấu thành hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay.

21. Những thành tựu và hạn chế của đường lối xây dựng hệ thống chính trị trong thời kỳ đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản:

- Khái quát đường lối xây dựng hệ thống chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

- Phân tích những thành tựu và hạn chế của việc xây dựng hệ thống chính trị trong thời kỳ đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam.

b. Kiến thức vận dụng:

- Những thành tựu và hạn chế trong việc xây dựng hệ thống chính trị Việt Nam thời kỳ đổi mới có ảnh hưởng như thế nào đối với sự phát triển của đất nước và với bản thân các anh/chị.

- Là trí thức tương lai anh/chị cần phải làm gì để góp phần xây dựng, củng cố và phát triển hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay.

22. Ba nguyên tắc của nền văn hóa được nêu ra trong “Đề cương văn hóa Việt Nam” năm 1943.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản:

- Sự ra đời của “Đề cương văn hóa Việt Nam”.

- Nội dung cơ bản của “Đề cương văn hóa Việt Nam”.

- Phân tích ba nguyên tắc: dân tộc hóa, khoa học hóa, đại chúng hóa.

b. Kiến thức vận dụng:

- Ý nghĩa của “Đề cương văn hóa Việt Nam”.

- Vận dụng các nguyên tắc vào việc xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ở Việt Nam hiện nay.

23. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản:

- Khái niệm và bản chất của văn hóa.

- Phân tích làm rõ nội dung “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội”:

+ Đời sống xã hội có hai mặt vật chất và tinh thần. Nếu kinh tế là nền tảng vật chất của đời sống xã hội, thì văn hóa là nền tảng tinh thần của đời sống xã hội.

+ Các giá trị văn hóa thấm sâu trong mỗi con người và cộng đồng; được bảo tồn, tiếp nối, truyền lại và phát huy qua các thế hệ; được vật chất hóa và khẳng định trong cấu trúc xã hội; được thể hiện sống động hàng ngày trong đời sống xã hội nói chung và các hoạt động nghề nghiệp nói riêng.

+ Các giá trị văn hóa trở thành cái “vốn văn hóa”, cái “ghen văn hóa” riêng của mỗi con người và của cả cộng đồng và sẽ được họ vận dụng vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn hàng ngày.

b. Kiến thức vận dụng:

- Làm rõ những thành tựu và hạn chế trong quá trình phát huy vai trò “nền tảng tinh thần của xã hội” của văn hóa ở Việt Nam từ khi bắt đầu đổi mới đến nay.

- Đề xuất giải pháp tiếp tục phát huy vai trò “nền tảng tinh thần của xã hội” của văn hóa ở Việt Nam trong thời gian tới.

24. Văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản:

- Khái niệm và bản chất của văn hóa.

- Phân tích làm rõ “văn hóa là mục tiêu của sự phát triển kinh tế - xã hội”.

- Phân tích làm rõ “văn hóa là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội”.

b. Kiến thức vận dụng:

- Làm rõ những thành tựu và hạn chế trong quá trình phát huy vai trò “vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội” của văn hóa ở Việt Nam từ khi bắt đầu đổi mới đến nay.

- Đề xuất giải pháp tiếp tục phát huy vai trò “vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội” của văn hóa ở Việt Nam trong thời gian tới.

25. Nền văn hóa mà chúng ta đang xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản:

- Khái niệm nền văn hóa Việt Nam
- Làm rõ nội dung tiên tiến của nền văn hóa Việt Nam.
- Làm rõ nội dung đậm đà bản sắc dân tộc của nền văn hóa Việt Nam.

b. Kiến thức vận dụng:

- Làm rõ những thành tựu và hạn chế của việc xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ở Việt Nam từ khi bắt đầu đổi mới đến nay.

- Đề xuất giải pháp tiếp tục xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ở Việt Nam trong thời gian tới.

26. Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản:

- Khái niệm nền văn hóa Việt Nam.

- Làm rõ văn hóa Việt Nam là sự hòa quyện bình đẳng, sự phát triển độc lập của văn hóa các dân tộc cùng sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam.

- Làm rõ mỗi dân tộc có truyền thống và bản sắc văn hóa của riêng mình, cả cộng đồng dân tộc Việt Nam có nền văn hóa chung nhất.

- Làm rõ sự thống nhất bao hàm cả tính đa dạng; đa dạng trong sự thống nhất. Không có sự đồng hóa hoặc thôn tính, kỳ thị về văn hóa giữa các dân tộc ở Việt Nam.

- Làm rõ các giá trị và sắc thái văn hóa của các dân tộc ở nước ta bổ sung cho nhau, làm phong phú nền văn hóa Việt Nam và củng cố sự thống nhất dân tộc.

b. Kiến thức vận dụng:

- Khái quát những thành tựu và hạn chế trong việc xây dựng, phát triển nền văn hóa của các dân tộc ở Việt Nam nói riêng và nền văn hóa Việt Nam nói chung từ khi bắt đầu đổi mới đến nay.

- Đề xuất tiếp tục xây dựng và phát triển nền văn hóa của các dân tộc ở Việt Nam nói riêng và nền văn hóa Việt Nam nói chung trong thời gian tới.

27. Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản:

- Khái niệm nền văn hóa Việt Nam.

- Nội dung cơ bản của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa ở Việt Nam hiện nay.

- Phân tích nội dung xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân.

- Phân tích vai trò lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa.

- Phân tích vai trò của đội ngũ trí thức trong sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa.

b. Kiến thức vận dụng:

- Đề xuất giải pháp tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng và sự đóng góp của toàn dân nói chung, đội ngũ trí thức nói riêng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam thời gian tới.

- Là một người sinh viên, Anh/Chị đã và sẽ làm gì để góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam.

28. Kết hợp mục tiêu kinh tế với mục tiêu xã hội trong việc giải quyết các vấn đề xã hội.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản

- Khái niệm vấn đề xã hội.
- Làm rõ mục tiêu kinh tế trong việc giải quyết các vấn đề xã hội.
- Làm rõ mục tiêu xã hội trong việc giải quyết các vấn đề xã hội.
- Làm rõ tại sao cần phải kết hợp mục tiêu kinh tế với mục tiêu xã hội trong việc giải quyết các vấn đề xã hội.

b. Kiến thức vận dụng:

- Làm rõ những thành tựu và hạn chế của việc kết hợp hai mục tiêu này trong quá trình giải quyết các vấn đề xã hội ở Việt Nam từ khi bắt đầu đổi mới đến nay.
- Đề xuất giải pháp kết hợp hai mục tiêu này trong việc giải quyết các vấn đề xã hội ở Việt Nam trong thời gian tới.

29. Chính sách xã hội được thực hiện trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn bó hữu cơ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa công hiến và hưởng thụ.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản:

- Khái niệm chính sách xã hội.
- Làm rõ mối quan hệ giữa chính sách xã hội với trình độ phát triển kinh tế.
- Làm rõ mối quan hệ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, từ đó lý giải tại sao cần phải gắn bó hữu cơ giữa quyền lợi và nghĩa vụ.
- Làm rõ mối quan hệ giữa công hiến và hưởng thụ, từ đó lý giải tại sao cần phải gắn bó hữu cơ giữa công hiến và hưởng thụ.

b. Kiến thức vận dụng:

- Làm rõ những thành tựu và hạn chế cơ bản của việc giải quyết các vấn đề xã hội ở Việt Nam từ khi bắt đầu đổi mới đến nay.

- Đề xuất giải pháp xây dựng chính sách xã hội với mục tiêu “Chính sách xã hội được thực hiện trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn bó hữu cơ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa công hiến và hưởng thụ”.

30. Bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính là xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đồng thời thực hiện nghĩa vụ quốc tế theo khả năng của Việt Nam.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản:

- Hoàn cảnh quốc tế và trong nước.
- Lợi ích dân tộc chân chính là gì và bao gồm những lợi ích nào?
- Nghĩa vụ quốc tế là gì và đưa ra một vài nghĩa vụ quốc tế cụ thể.
- Làm rõ nội dung quan điểm “bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính là xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đồng thời thực hiện nghĩa vụ quốc tế theo khả năng của Việt Nam”.

b. Kiến thức vận dụng:

- Những thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện quan điểm bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính là xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đồng thời thực hiện nghĩa vụ quốc tế theo khả năng của Việt Nam.

- Là trí thức tương lai anh/chị cần phải làm gì để góp phần thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới ở nước ta hiện nay.

31. Giữ vững độc lập tự chủ, tự cường đi đôi với đẩy mạnh đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản:

- Hoàn cảnh quốc tế và trong nước.

- Độc lập, tự chủ, tự cường là gì?
- Đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại là gì?
- Làm rõ nội dung quan điểm “giữ vững độc lập tự chủ, tự cường đi đôi với đẩy mạnh đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại”.

b. Kiến thức vận dụng:

- Những thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện quan điểm giữ vững độc lập tự chủ, tự cường đi đôi với đẩy mạnh đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại ở nước ta hiện nay.

- Là trí thức tương lai anh/chị cần phải làm gì để góp phần thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới ở nước ta hiện nay.

32. Năm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ quốc tế; tránh trực diện đối đầu, tránh bị đẩy vào thế cô lập.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản:

- Hoàn cảnh quốc tế và trong nước.
- Hợp tác và đấu tranh là gì? Mối quan hệ giữa hợp tác và đấu tranh?
- Làm rõ nội dung quan điểm “năm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ quốc tế; tránh trực diện đối đầu, tránh bị đẩy vào thế cô lập”.

b. Kiến thức vận dụng:

- Những thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện quan điểm năm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ quốc tế; tránh trực diện đối đầu, tránh bị đẩy vào thế cô lập ở nước ta hiện nay.

- Là trí thức tương lai anh/chị cần phải làm gì để góp phần thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới ở nước ta hiện nay.

33. Mở rộng quan hệ với mọi quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, không phân biệt chế độ chính trị xã hội. coi trọng quan hệ hòa bình, hợp tác với khu vực; chủ động tham gia các tổ chức đa phương khu vực và toàn cầu.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản:

- Hoàn cảnh quốc tế và trong nước.
- Khái niệm quốc gia và vùng lãnh thổ?
- Khái niệm tổ chức đa phương khu vực và tổ chức đa phương toàn cầu?

Cho một vài ví dụ cụ thể.

- Làm rõ nội dung quan điểm “mở rộng quan hệ với mọi quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, không phân biệt chế độ chính trị xã hội. coi trọng quan hệ hòa bình, hợp tác với khu vực; chủ động tham gia các tổ chức đa phương khu vực và toàn cầu”.

b. Kiến thức vận dụng:

- Những thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện quan điểm mở rộng quan hệ với mọi quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, không phân biệt chế độ chính trị xã hội. coi trọng quan hệ hòa bình, hợp tác với khu vực; chủ động tham gia các tổ chức đa phương khu vực và toàn cầu ở nước ta hiện nay.

- Là trí thức tương lai anh/chị cần phải làm gì để góp phần thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới ở nước ta hiện nay.

34. Giữ vững ổn định chính trị, kinh tế - xã hội; giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; bảo vệ môi trường sinh thái trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản:

- Hoàn cảnh quốc tế và trong nước.

- Tầm quan trọng và yêu cầu của việc giữ vững ổn định chính trị, kinh tế - xã hội; giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; bảo vệ môi trường sinh thái trong quá trình hội nhập quốc tế.

- Làm rõ nội dung quan điểm “giữ vững ổn định chính trị, kinh tế - xã hội; giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; bảo vệ môi trường sinh thái trong quá trình hội nhập quốc tế”.

b. Kiến thức vận dụng:

- Những thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện quan điểm giữ vững ổn định chính trị, kinh tế - xã hội; giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; bảo vệ môi trường sinh thái trong quá trình hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay.

- Là trí thức tương lai anh/chị cần phải làm gì để góp phần thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới ở nước ta hiện nay.

35. Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản:

- Hoàn cảnh quốc tế và trong nước.

- Tầm quan trọng và yêu cầu của việc giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

- Làm rõ nội dung quan điểm “giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể

nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế”.

b. Kiến thức vận dụng:

- Những thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện quan điểm giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta hiện nay.

- Là trí thức tương lai anh/chị cần phải làm gì để góp phần thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới ở nước ta hiện nay.

36. Những thành tựu và hạn chế của đường lối đối ngoại trong thời kỳ đổi mới.

Hướng dẫn nội dung:

a. Kiến thức cơ bản:

- Khái quát nội dung đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

- Những thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

b. Kiến thức vận dụng:

- Những thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế có ảnh hưởng như thế nào đến các anh/chị và anh/chị hãy phân tích cụ thể những ảnh hưởng đó ở cả khía cạnh tích cực cũng như tiêu cực.

- Là trí thức tương lai anh/chị cần phải làm gì để góp phần phát huy những thành tựu và khắc phục những hạn chế trong việc thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới ở nước ta hiện nay.